

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự 18 – BT5 – KĐT. Pháp Vân – Hoàng Mai – Hà Nội

Điện thoại: 04.36830516 Fax: 04.36830578



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Giới thiệu chung về công ty:

Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tên giao dịch: **JV., JSC**

Trụ sở chính: **Biệt thự số 18, BT5, khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường
Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**

Điện thoại: **(04) 36830516**

Fax: **(04) 36830578**

Email: **jandv@hn.vnn.vn**

Website: **www.ytevietnhat.com.vn**

Logo:



Vốn điều lệ: **354.199.990.000 đồng**

Giấy CNĐKKD: **Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 01011788800 do
Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm
2010**

Ngành nghề kinh

doanh:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế;
- Buôn bán hàng điện, điện tử và thiết bị điện tử, thiết bị
bưu chính viễn thông, máy tính và thiết bị có liên quan,
công nghệ tin học, phần mềm ứng dụng tin học liên
quan đến thiết bị y tế
- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu:
Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2001

Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật tiền thân là công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật, được thành lập vào ngày 27/09/2001 với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán, cho thuê Thiết bị y tế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì Thiết bị y tế. Trong những ngày đầu thành lập, vốn điều lệ của Công ty là 6 tỷ đồng, nhân sự công ty chỉ có 05 người bao gồm lãnh đạo công ty, kế toán, kinh doanh, và kỹ thuật

Năm 2002

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật chính thức trở thành đại lý độc quyền về thiết bị y tế của Công ty Hitachi Medical System tại Việt Nam, chuyển cung cấp các dòng sản phẩm chính máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system).

Cũng trong năm này, Công ty bắt đầu thiết lập quan hệ với một số bệnh viện lớn qua các hợp đồng liên kết khai thác máy như bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện đa khoa các tỉnh Thái Bình, Đà Nẵng, Kiên Giang.... Đi cùng với sự phát triển của công ty, số lượng nhân viên của Công ty tăng lên 27 người.

Năm 2003

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật trở thành nhà phân phối thiết bị cho một số hãng nổi tiếng trên thế giới như Nemoto (máy bơm thuốc cân quang/cân từ tự động), ELK (máy in, máy đo huyết áp tự động...), KINKY Roentgen (máy X-quang răng...)

Năm 2004-2005

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật được tập đoàn Toray Medical lựa chọn là nhà phân phối thiết bị máy thận nhân tạo tại Việt Nam

Số nhân viên của công ty vào thời điểm này đã là 73 người theo nhu cầu sản xuất kinh doanh mới

Năm 2006

Căn cứ vào nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty Việt Nhật mở thêm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2007

Tháng 05/2007, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật đã nghiên cứu thành công và cho ra mắt hệ thống xe khám bệnh lưu động đầu tiên tại Việt Nam. Trên xe có gắn các thiết bị y tế hiện đại: Siêu âm, X-quang kỹ thuật số, máy xét nghiệm...

Tháng 07/2007, Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt Nhật ký hợp đồng phân phối với Carestream Kodax trở thành nhà phân phối X-quang kỹ thuật số DR/CR, máy in và vật tư đi

kèm

Cũng trong năm này, Công ty trở thành nhà phân phối của hãng Fuji, chuyên cung cấp các sản phẩm hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số tại Việt Nam.

Năm 2008

Công ty Việt Nhật hoàn thành xong Trung tâm kỹ thuật cao tại 22- Nguyễn Bình Khiêm- Hà Nội liên kết với Bệnh viện y học cổ truyền TW. Tại trung tâm, công ty đã đầu tư máy thận nhân tạo, máy Cộng hưởng từ, máy xét nghiệm lâm sàng, máy nội soi để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Năm 2009

Đầu năm 2009, Công ty đã kết hợp với các chuyên gia kỹ thuật hàng đầu của Nhật Bản (kỹ sư với trên 30 năm kinh nghiệm) thành lập ra Trung tâm nghiên cứu sản xuất Máy X- quang tại Việt Nam.

Trong cùng thời gian đầu năm 2009, công ty đã tiến hành ký hợp đồng đầu tư xây dựng Khu khám chữa bệnh chất lượng cao (thời gian đầu tư: 49 năm) với Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ tại TP. Việt Trì. Khu khám chữa bệnh chất lượng cao với 200 giường và các Thiết bị y tế hiện đại, tiện nghi như: máy Cộng hưởng từ siêu dẫn, CT- scanner đa lát, X- quang số hóa, giường bệnh gắn mô tô, phòng mổ, bàn mổ hiện đại,... chắc chắn sẽ là nơi điều trị, khám chữa bệnh hiệu quả cho người dân.

Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật trở thành đại lý cho một số công ty: Kaigen Corporation về dược phẩm, máy nội soi và máy khử trùng dụng cụ nội soi.

Trong thời gian này, Công ty đã hoàn tất thủ tục và thành lập Phòng khám bệnh đa khoa Việt Nhật tại 571- Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội nhằm phục vụ cho nhu cầu khám lưu động tại các Khu công nghiệp lớn và công tác khám chữa bệnh tại chỗ.

Năm 2010

Công ty đã ký hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm thuốc nhỏ mắt của hãng Senjiu- Nhật Bản

Căn cứ vào nhu cầu vốn để mở rộng kinh doanh, ngày 09/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 242 tỷ đồng.

Ngày 27/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật theo Giấy phép ĐKKD và đăng ký thuế số 0101178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/2010.

Năm 2011

Năm 2011 đánh dấu việc công ty CP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật chính thức chào sàn và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 6.

Ngày 17/12/2011, Đại hội cổ đông bất thường 2011 đã thông qua việc chi trả cổ tức dự kiến là 30%, trong đó, 20% chi trả bằng tiền mặt, 10% chi trả bằng cổ phiếu. Đồng thời công ty tiến hành biểu quyết thông qua việc tăng vốn từ 242 tỷ đồng lên 322 tỷ đồng, phát hành thêm 8 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược.

Năm 2012

Năm 2012 Quỹ đầu tư công nghiệp DI Châu Á ("DIAIF") chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Công ty. Nâng tổng số vốn từ 242 tỷ lên 322 tỷ đồng.

Tháng 2 năm 2012, công ty trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt (20%).

Tháng 7.2012, công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu (10%), nâng vốn điều lệ từ 322 tỷ lên thành 354 tỷ, tương đương với 35.419.999 cổ phiếu.

Ngày 21.11.2012, công ty tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Tại Đại hội, Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để hoán đổi cho các cổ đông của Công ty CP Kyoto Medical Science (KMS) và phương án phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu .

3. Địa bàn kinh doanh

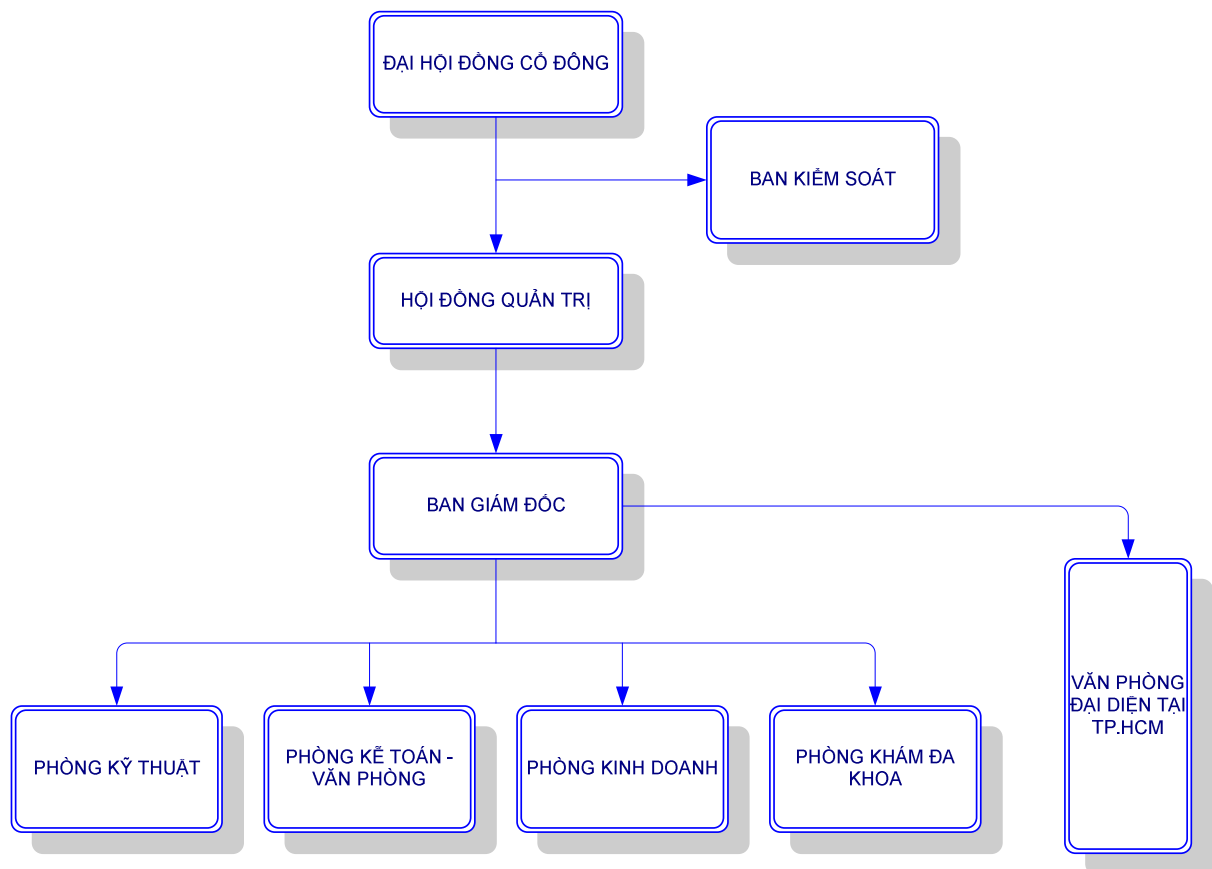
Trải rộng khắp các tỉnh thành trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

4. Tổ chức và nhân sự

Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại Hội Đồng Cổ Đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là ban giám đốc.

Cơ cấu tổ chức của Công ty CP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật như sau:



Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
1	Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Ông Hosono Kyohei	Ủy viên Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT bầu bổ sung trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
3	Ông Hori Shinichiro	Ủy viên Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT bầu bổ sung trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
4	Bà Nguyễn Phương Hạnh	Ủy viên Hội đồng quản trị	
5	Ông Phạm Văn Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị	
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị	

7	Bà Hồ Bích Ngọc	Ủy viên Hội đồng quản trị	
Ban Giám đốc			
1	Ông Lê Văn Hường	Giám đốc	
2	Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc	
3	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc	
Ban Kiểm soát			
1	Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	Thành viên BKS bầu bổ sung trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
2	Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Nguyễn Văn Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	
Kế toán trưởng			
	Bà Hồ Bích Ngọc	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch của Ban Giám Đốc:

1. Ông Lê Văn Hường

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật

Số CMTND: 011924999 do CA Hà Nội cấp ngày 29/10/2007

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1976

Nơi sinh: Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đông Triều-Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên,quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan:(84-4) 36830516

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư .Đại học Kỹ Thuật Kyoto (Kyoto Institute of Technology)

Quá trình công tác:

T4/1996- T4/2001: Du học theo diện học bổng chính phủ Nhật Bản(Monbusho).

T9/2001- T9/2010: Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (đã đổi tên thành Công ty CP TBYT Việt Nhật)

T10/2010- nay: Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Kyoto Medical Science (tên trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Y tế Việt Nhật)

Số cổ phần nắm giữ: 9.441.000 cổ phiếu chiếm 26.65% VDL

2. Bà Nguyễn Phương Hạnh

Chức vụ hiện tại: Phó GD kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật

Số CMTND: 011932028 do CA Hà Nội cấp ngày 23/08/2006

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13/06/1978

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương

Quá trình công tác:

1997- T9/2000: Sinh viên trường Đại học Ngoại thương

T10/2000- T10/2002: Sinh viên chuyển tiếp trường Đại học Kyoto-Nhật Bản

T10/2002- T9/2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty CP TBYT Việt Nhật)

T10/2010- nay: Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Kyoto Medical Science (tên trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Y tế Việt Nhật)

Số cổ phần nắm giữ: 1.331.000 cổ phiếu chiếm 3,76% VDL

3. Ông Phạm Văn Thanh

Chức vụ hiện tại: Phó Giám Đốc kiêm TV HĐQT Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt nhật

Số CMTND: 013311569 do CA Hà nội cấp ngày 27/05/2010

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/04/1979

Nơi sinh: Tam Dương, Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồ Sơn, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Phòng 812 OCT1 X1 Đại kim, Hoàng mai, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử

Quá trình công tác:

1997- 2002: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà nội

2002- 2003: Kỹ sư Service Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt nhật

2003- 2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt nhật

2006– T09/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Y Tế Việt nhật

T10/2010- nay: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Y Tế Việt nhật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 129.800 cổ phiếu chiếm 0,37% VDL

4. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật

Số CMTND: 011932483 do CA Hà Nội cấp ngày 03/11/2010

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 23, phố Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế

Quá trình công tác:

2003 - 2004: Nhân viên Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật

2004 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật

2006 – T9/2010: Phó giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật)

T10/2010- nay: Phó giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 57.200 cổ phiếu chiếm 0,16% VDL

5. Bà Hồ Bích Ngọc – Kế toán trưởng

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật

Số CMTND: 013148056 do CA Hà Nội cấp ngày 10/01/2009

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 22/11/1979

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mê Linh- Hà Nội

Địa chỉ thường trú: TT LĐ vật lý, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính- Kế toán

Quá trình công tác:

1997- T6/2001: Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán

T8/2001- T4/2002: Kế toán tổng hợp Công ty CP Thiết bị giáo dục

T05/2002- T9/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật

T10/2010- nay: Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 112.200 cổ phiếu chiếm 0,32% VDL

Cơ cấu lao động:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ	236	100%
1. Trình độ đại học trở lên	81	34%
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	83	35%
3. Công nhân kỹ thuật	37	16%
4. Lao động khác	35	15%
II. Phân theo tính chất lao động	236	100%
1. Lao động trực tiếp	100	42%
2. Lao động gián tiếp	136	58%
III. Phân theo giới tính	236	100%
1. Lao động nữ	55	23%
2. Lao động nam	191	77%

Số liệu tại ngày 31/12/2012

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết với số ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản:

Nhân viên Công ty được nghỉ ốm và hưởng lương theo chế độ hiện hành. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ đúng quy định theo chế độ bảo hiểm còn được hưởng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Môi trường làm việc: Người lao động trong Công ty tùy theo tính chất công việc được trang bị đầy đủ các thiết bị, vật dụng cần thiết để phục vụ cho công việc. Cán bộ công tác tại các bệnh viện đều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng chủng loại theo quy định.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, luôn quan tâm, thu hút các ứng viên có năng lực, trình độ, đặc biệt là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực Thiết bị y tế.

Đào tạo: Công ty luôn cung cấp cho nhân viên những cơ hội đào tạo (trong nước và nước ngoài: tại Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc), hỗ trợ nhân viên xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân để giúp nhân viên vừa phát triển nghề nghiệp, vừa đạt được những mục tiêu cá nhân.

Đối với Nhân viên mới tốt nghiệp, Công ty sẽ giúp nhân viên hội nhập với công việc nhanh nhất bằng các khóa đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức thực tiễn, hỗ trợ trong việc tiếp xúc với khách hàng, các bệnh viện để tạo các mối quan hệ cho nhân viên.

Đối với nhân viên đã có kinh nghiệm, Công ty sẽ có các khóa đào tạo nâng cao, giúp nhân viên có thể tiếp tục phát triển về nghiệp vụ và kỹ năng.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực thi chính sách tiền lương cạnh tranh, đãi ngộ tương xứng với sự đóng góp cụ thể của từng cá nhân vào kết quả hoạt động kinh doanh nhằm động viên toàn thể nhân viên các cấp đáp ứng được yêu cầu của công việc và đóng góp vào sự thành công của Công ty.

Về chính sách khen thưởng, Công ty thực thi chế độ khen thưởng công bằng, các khoản tiền thưởng được xem xét theo thành tích công việc của đơn vị và cá nhân có liên quan và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

Thu nhập ngày càng tăng của người dân giúp cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tăng lên trong những năm qua đã có tác động khá tích cực đến hoạt động kinh doanh của các Công ty ngành dược và thiết bị y tế nói chung và Công ty nói riêng.

Việc thiết lập được quan hệ truyền thống với mạng lưới các bệnh viện trong cả nước để liên kết đầu tư trang thiết bị đã xây dựng được trong nhiều năm đã giúp cho Công ty có một chỗ đứng vững chắc trên thị trường Thiết bị y tế trong cả nước.

Là đại lý phân phối về Thiết bị y tế của các tập đoàn lớn như: Tập đoàn Hitachi- Nhật Bản, Carestream Health KODAK, Boeiki, Toray, Fukuda, ... tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức của nhiều hãng thiết bị y tế hàng đầu khác, Công ty luôn có thuận lợi rất lớn về nguồn hàng ổn định, giá cạnh tranh và nhiều hỗ trợ ưu đãi của các nhà sản xuất.

Đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và được đào tạo bài bản từ chính các Hãng cung cấp giúp cho các sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao không chỉ về chất lượng mà còn cả dịch vụ sau bán hàng trọn gói và chuyên nghiệp.

Khó khăn

Kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, thậm chí có những thời điểm được đánh giá là suy thoái kinh tế trầm trọng cũng ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển và chiến lược của Công ty.

Suy thoái kinh tế cũng làm cho lạm phát tăng, tỷ giá biến động và tăng cao, lãi suất leo cao gây cho Công ty nhiều khó khăn trong hoạt động thanh toán bằng ngoại tệ cho Nhà cung cấp. Tỷ giá tiền đồng biến động làm phát sinh chi phí về tỷ giá cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012 doanh thu của Công ty đạt 761,74 tỷ đồng tăng 26% so với năm 2011

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	758,922,197,276	1,332,111,289,602	76%
Doanh thu thuần	605,380,968,275	761,739,689,643	26%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	173,840,313,470	225,246,473,102	30%
Lợi nhuận khác	5,926,298,646	1,631,567,482	-72%
Lợi nhuận trước thuế	179,766,612,116	226,878,040,584	26%
Lợi nhuận sau thuế	134,805,844,988	170,076,097,250	26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%		

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,58	1.68
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,36	1.30
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,5	0.5
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,0	0.9
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,5	0.5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,7	3.0
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,8	0.6
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,2	0.2
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,4	0.2
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,2	0.1
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,4	0.4

Các chỉ số tài chính :

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Trong năm 2011 và 2012, với việc cơ cấu lại nguồn vốn sau khi tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ lên 242 tỷ và 354,2 tỷ đồng, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đều mức an toàn, lần lượt là 1,56 và 1,68.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị y tế có giá trị lớn vì vậy cơ cấu nợ/Tổng tài sản của Công ty trong năm 2011 và 2012 là 50%. Tổng nợ trên/vốn chủ sở giảm từ 100% năm 2011 xuống 90% trong năm 2012. Chiếm phần lớn giá trị nợ là các khoản trả chậm nhà cung cấp theo chính sách ưu đãi dành cho đại lý độc quyền và nợ vay ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty có sự tăng trưởng tương đối ổn định trong khi hệ số LNST/Doanh thu thuần đạt 20% qua các năm, và hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần có sự tăng trưởng tốt và giữ vững 40% so với năm 2011. Ngoài hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân có sự sụt giảm mạnh do Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ, thì các chỉ tiêu khác đều cho thấy khả năng sinh lời tốt của Công ty.

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện năm 2011	Tăng/giảm so với KH 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện năm 2012	Tăng/giảm so với KH 2012
Doanh thu thuần	580	605.4	4.4%	900	761.7	-15.4%
Lợi nhuận trước thuế	150	179.8	19.9%	250	226.8	-9.3%
Lợi nhuận sau thuế	113	134.8	19.8%	187.5	170.1	-9.3%
Vốn chủ sở hữu	415	375.8	-9.5%	635	697.4	9.8%
Vốn điều lệ thực góp	242	242	0.0%	322	354.2	10.0%
Cổ tức	15%	30%	100.0%	15%		

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế, nhưng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cùng với kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và tầm nhìn chiến lược hợp lý nên hoạt động kinh doanh của JVC không những được duy trì ổn định mà còn tăng trưởng khá qua các năm. Ngoài ra, Công ty còn mạnh dạn đẩy mạnh hoạt động đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng hoạt động đầu tư

liên kết trên khắp các tỉnh thành trong cả nước. Mặt khác Công ty còn mạnh dạn đầu tư vào các thiết bị với công nghệ hiện đại và tiên tiến trên thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng gia tăng trong nước. Vì vậy, tuy không đạt được kết quả so với kế hoạch đã đề ra nhưng doanh thu của JVC so với năm 2011 vẫn tăng 26%. Dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2012 tăng 35.3 tỷ so với năm 2011. Nguyên nhân không đạt được kế hoạch đề ra là một số dự án chưa hoàn thành để xác nhận doanh thu và chuyển sang năm 2013.

2. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	TỶ LỆ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	555,339	1,024,525	469,186	84.5 %
1. Tiền và các khoản tương đương tiền.	31,168	11,879	(19,289)	-61.9%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn.	434,543	745,821	311,278	71.6%
3. Hàng tồn kho.	77,111	232,053	154,942	200.9%
4. Tài sản ngắn hạn khác.	12,517	34,772	22,255	177.8%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	203,583	307,586	104,003	51.1 %
1. Tài sản cố định.	192,131	292,755	100,624	52.4%
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,000	13,279	6,279	89.7%
3. Tài sản dài hạn khác		1,552	1,552	100.0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	758,922	1,332,111	573,189	75.5 %

Kết thúc năm 2012 tổng tài sản của JVC tăng 573,189 tỷ đồng tương ứng 75,5% so với năm 2011. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi, tài sản ngắn hạn tăng 84,5% do lượng hàng tồn kho tăng 200,9% chủ yếu để cung cấp cho các dự án của JVC. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 61,9% là kết quả của việc đầu tư tài sản cố định trong năm (tăng 52,4% so với năm 2011) và việc tạm ứng cổ tức 20% đợt 1 vào ngày 27/2/2012 tương ứng với 48,4 tỷ đồng .

Việc JVC đẩy mạnh hoạt động liên kết tại khắp các tỉnh thành trong nước dẫn tới tài sản dài hạn năm 2012 tăng 51,1% so với năm 2011. Trong đó, tài sản cố định tăng 52,4% so với năm 2011 và các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 89,7% so với năm 2011.

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	TỶ LỆ
A. NỢ PHẢI TRẢ	383,148	634,667	251,519	65.6 %
1. Nợ ngắn hạn	351,299	609,838	258,539	73.6%

2. Nợ dài hạn	31,849	24,829	(7,020)	-22.0%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	375,774	697,444	321,670	85.6%
1. Vốn chủ sở hữu	375,774	697,444	321,670	85.6%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	758,922	1,332,111	573,189	75.5%

Tổng nguồn vốn của JVC tăng mạnh 75,5% so với năm 2011. Điều này là do JVC đã phát hành thành công việc tăng vốn từ 242 tỷ trong năm 2011 lên 354,2 tỷ trong năm 2012. Vì vậy, vốn chủ sở hữu tăng 85,6% so với năm 2011. Tổng nợ phải trả của công ty tăng 65,6% so với năm 2011. Nợ dài hạn đã giảm xuống 22% so với năm 2011. Nợ ngắn hạn tăng 73,6% so với năm 2011. Trong đó, chiếm phần lớn giá trị nợ là các khoản trả chậm nhà cung cấp theo chính sách ưu đãi dành cho đại lý độc quyền và nợ vay ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã có hướng đi đúng đắn trong chiến lược sản xuất kinh doanh cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý phù hợp với từng thời kỳ phát triển của công ty.

- Thiết lập cơ chế quản lý, hoàn thiện các quy chế, chuẩn mực quản trị công ty phù hợp với mô hình công ty. Tạo được cơ cấu quản lý chặt chẽ, linh động và hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, làm việc chuyên nghiệp và liên tục được đào tạo nâng cao kiến thức và trình độ.

4. Kế hoạch năm 2013

Với mục tiêu gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, Ban Giám đốc đã căn cứ tình hình thực tế của năm vừa qua và nghiên cứu, khảo sát tình hình thị trường trong thời gian tới để đưa ra kế hoạch cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013
	Triệu đồng
Doanh thu thuần	900.000
Lợi nhuận trước thuế	252.000
Lợi nhuận sau thuế	189.000
Vốn chủ sở hữu	1.000.000

Các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2012

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ và năng lực quản lý, đặc biệt công tác nghiệp vụ tác nghiệp của các phòng ban, tính gắn bó, trách nhiệm trong mỗi cán bộ;

Tiếp tục phát triển mở rộng thị trường (bao gồm xúc tiến mở rộng phát triển thị trường sang các quốc gia lân cận như Lào, Campuchia,...), đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đa dạng của thị trường;

Đẩy mạnh mảng phân phối thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, mảng hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty;

Tiếp tục hợp tác với nhiều hãng sản xuất thiết bị y tế và vật tư tiêu hao để tạo ra sự đa dạng hóa về sản phẩm ngoài những sản phẩm hiện có của Công ty.

5. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2012 là một năm sóng gió đối với các doanh nghiệp Việt Nam cũng như đối với JVC, khi lạm phát, lãi suất, tỷ giá luôn biến động. Trong bối cảnh đó, HĐQT đã luôn giám sát chặt chẽ đồng thời đưa ra những định hướng chỉ đạo trong công tác quản lý điều hành công ty để hoạt động kinh doanh ổn định và đạt hiệu quả cao. Vì vậy kết quả kinh doanh năm 2012 của JVC đã tăng 26% so với năm 2011.

Đánh giá hoạt động của Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu nhưng lợi nhuận kinh doanh của JVC vẫn tăng 26% so với năm 2011. Đây là một mức tăng trưởng đáng khích lệ trong bối cảnh nền kinh tế cả nước đang khó khăn hiện nay.

Kế hoạch và định hướng

Xây dựng và phát triển công ty JVC bền vững và trở thành nhà cung cấp và phân phối các thiết bị trong lĩnh vực y tế hàng đầu Việt Nam.

Tiếp tục đầu tư và mở rộng thị trường (bao gồm xúc tiến mở rộng phát triển thị trường sang các quốc gia lân cận như Lào, Campuchia,...),

Tiếp tục hợp tác với nhiều hãng sản xuất thiết bị y tế và vật tư tiêu hao để tạo ra sự đa dạng hóa về sản phẩm ngoài những sản phẩm hiện có của Công ty.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Văn Hương – CTHĐQT	9.441.000	26,65%
2	Nguyễn Phương Hạnh – TV HĐQT	1.331.000	3.76%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh – TV HĐQT –	57.200	0.16%
4	Hồ Bích Ngọc – TV HĐQT	112.200	0.32%
5	Phạm Văn Thanh – TV HĐQT	129.800	0.37%
6	Hori Shinichiro– Đại diện DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	11.000.000	31,06%
7	Hosono Kyohei - Đại diện DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	11.000.000	31,06%

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012

Căn cứ vào Điều lệ công ty, quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình kinh doanh, HĐQT đã xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2012 cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	001/2012-NQ-HĐQT	11/1/2012	Thông qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược
2	02/2012-NQ-HĐQT	17/04/2012	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
3	03/2012/HĐQT	16/05/2012	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
4	01/NQ-ĐHĐCĐ	26/05/2012	- Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2012 - Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2011 - Thông qua việc chủ tịch HĐQT tiếp tục được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty - Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2012 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2011 - Thông qua thù lao của HĐQT, ban kiểm soát của công ty năm 2011

			- Thông qua sửa đổi bổ sung một số điều của điều lệ công ty - Thông qua bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ 2012-2016 - Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT bổ sung cho nhiệm kỳ 2012-2016 - Thông qua danh sách trúng cử thành viên BKS bổ sung cho nhiệm kỳ 2012-2016 - Thông qua ủy quyền cho HĐQT thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
5	04/2012/NQ-HĐQT	05/06/2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
6	05/2012/PH-JVC	05/06/2012	Thông qua hồ sơ để đăng ký phát hành cổ phiếu
7	06/2012/NQ-HĐQT	15/06/2012	Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011
8	06/2012/NQ-HĐQT	06/07/2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (căn cứ theo danh sách cổ đông được chốt vào ngày 29/6/2012)
9	07/2012/NQ-HĐQT	23/08/2012	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
10	08/NQ-ĐHCD	03/10/2012	Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2012: - Bổ sung ngành nghề kinh doanh - Sửa đổi điều lệ
11	09/2012/TT-ĐHĐCĐ	06/11/2012	Tổ chức đại hội cổ đông bất thường lần 2 năm 2012
12	10-2012/NQ-ĐHCD	21/11/2012	Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường lần 2 năm 2012: - Thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để hoán đổi cho các cổ đông của công ty CP Kyoto Medical Science - Thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
13	11-2012/NQ-HĐQT	30/11/2012	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ
14	12/NQ-HĐQT	30/11/2012	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phần

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành đều tham gia đầy đủ các kỳ họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Ngoài ra các thành viên cũng xem xét và đóng góp ý kiến các vấn đề trong thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT công ty.

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2012

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu	Lý do
1	Ông Hori Shinichiro - Đại diện DI ASIAN	TV HĐQT	26/5/2012	Bầu cử theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 26/5/2012
2	Ông Hosono Kyohei - Đại diện DI ASIAN	TV HĐQT	26/5/2012	Bầu cử theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 26/5/2012
3	Bà Vũ Thị Thúy Hằng - Đại diện DI ASIAN	TV BKS	26/5/2012	Bầu cử theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 26/5/2012

3. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Dương	550	0.0016%
2	Nguyễn Hữu Thắng	330	0.0009%
3	Vũ Thị Thúy Hằng - Đại diện DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	11.000.000	31,06%

Hoạt động của ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT, các quy định, quy chế, quy trình của công ty.

Giám sát công tác điều hành, quản lý của HĐQT, TGD, kiểm tra tính hợp lý, trung thực, mức độ cân trọng của các cán bộ quản lý, điều hành công ty. Thẩm định các báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012
Hội đồng quản trị			430.000.000
Lê Văn Hường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000
Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Phạm Văn Thanh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Hồ Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Hori Shinichiro	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	35.000.000
Hosono Kyohei	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	35.000.000
Ban kiểm soát			62.000.000
Vũ Thị Thúy Hằng	BKS	Thù lao BKS	14.000.000
Nguyễn Hữu Thắng	BKS	Thù lao BKS	24.000.000
Nguyễn Văn Dương	BKS	Thù lao BKS	24.000.000
Ban Giám đốc			1.260.000.000
Lê Văn Hường	Tổng Giám đốc	Tiền lương	240.000.000
Nguyễn Phương Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	180.000.000
Phạm Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	480.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	360.000.000

5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Văn Hường	12.441.000	35,12%	9.441.000	26,65%	Cơ cấu danh mục đầu tư

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hướng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Hori Shinichiro	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2012)
Ông Hosono Kyohei	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hướng	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hường

Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 3149/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 từ trang 5 đến trang 31 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công tác kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 20 tháng 03 năm 2013

UHO

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.024.525.680.760	555.339.164.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.878.861.197	31.167.992.710
1. Tiền	111	V.1	11.878.861.197	31.167.992.710
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		745.821.478.522	434.543.354.841
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	722.073.595.855	421.212.879.107
2. Trả trước cho người bán	132		24.839.437.720	13.259.831.134
5. Các khoản phải thu khác	135		-	70.644.600
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.091.555.053)	-
IV. Hàng tồn kho	140		232.052.833.085	77.110.792.345
1. Hàng tồn kho	141	V.3	232.052.833.085	77.110.792.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.772.507.956	12.517.024.315
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.003.936.014	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.620.001
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	33.768.571.942	12.513.404.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		307.585.608.842	203.583.033.065
II. Tài sản cố định	220		292.755.118.097	196.583.033.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	292.745.784.765	192.130.790.329
- Nguyên giá	222		521.782.756.337	334.423.742.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.036.971.572)	(142.292.952.227)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6	-	4.452.242.736
- Nguyên giá	225		-	34.448.541.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(29.996.299.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.333.332	-
- Nguyên giá	228		27.000.000	17.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.666.668)	(17.000.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.278.860.000	7.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	13.278.860.000	7.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.551.630.745	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	209.818.811	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.341.811.934	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.332.111.289.602	758.922.197.276

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

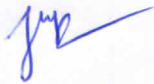
Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		634.666.998.875	383.148.549.799
I. Nợ ngắn hạn	310		609.838.438.875	351.299.349.799
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	410.033.761.691	99.628.175.327
2. Phải trả người bán	312		85.521.095.298	121.842.994.835
3. Người mua trả tiền trước	313		6.927.069.032	2.603.767.411
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	105.312.889.006	77.122.564.844
5. Phải trả người lao động	315		1.424.739.448	1.178.270.332
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	618.884.400	48.923.577.050
II. Nợ dài hạn	330		24.828.560.000	31.849.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	24.828.560.000	31.849.200.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		697.444.290.727	375.773.647.477
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	697.444.290.727	375.773.647.477
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		354.199.990.000	242.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.594.546.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.623.423.070	1.883.130.821
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		263.026.331.657	131.890.516.656
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.332.111.289.602	758.922.197.276

**Lê Văn Hương**
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2013


Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập
Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	761.739.689.643	605.380.968.275
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	761.739.689.643	605.380.968.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	461.759.890.413	370.349.467.468
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		299.979.799.230	235.031.500.807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	863.420.208	1.399.692.981
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.845.585.971	34.775.651.486
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.423.338.627	22.326.033.508
8. Chi phí bán hàng	24		6.155.978.538	1.348.967.665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.595.181.827	26.466.261.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		225.246.473.102	173.840.313.470
11. Thu nhập khác	31		2.372.753.783	7.890.601.231
12. Chi phí khác	32		741.186.301	1.964.302.585
13. Lợi nhuận khác	40		1.631.567.482	5.926.298.646
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.5	226.878.040.584	179.766.612.116
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	56.801.943.334	44.960.767.128
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		170.076.097.250	134.805.844.988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	5.264	4.916



Lê Văn Hương
Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.878.040.584	179.766.612.116
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	56.748.386.849	54.418.217.446
- Các khoản dự phòng	03	1.091.555.053	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.108.767.346	3.241.120.276
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(701.695.348)	(5.690.755.267)
- Chi phí lãi vay	06	39.423.338.627	22.326.033.508
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	325.548.393.111	254.061.228.079
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(333.621.270.826)	(266.452.527.993)
- Tăng hàng tồn kho	10	(154.942.040.740)	2.135.444.759
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(40.755.309.969)	61.848.057.092
- Tăng chi phí trả trước	12	(1.213.754.825)	2.153.471.672
- Tiền lãi vay đã trả	13	(39.423.338.627)	(22.326.033.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.522.684.167)	(9.436.357.826)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	111.059.919	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(222.037.050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(266.040.983.174)	21.983.282.275
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(160.528.596.006)	(53.155.748.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	7.203.771.429
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	23.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	701.695.348	188.317.173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.826.900.658)	(45.763.659.851)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	151.594.546.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	705.696.231.723	256.026.630.764
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(401.948.730.859)	(202.760.298.402)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(362.554.500)	(725.109.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.400.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	406.579.492.364	52.541.223.362
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.288.391.468)	28.760.845.786
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.167.992.710	2.407.146.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(740.045)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.878.861.197	31.167.992.710



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 354.199.990.000 đồng

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Biệt thự số 18 BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngày 21 tháng 06 năm 2011, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần thiết bị Y tế Việt Nhật được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là JVC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 236 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 210 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử; và
- Phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Đồng thời Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức: Nhật ký chung

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định Kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị website và phần mềm kế toán của Công ty. Giá trị website và phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian lần lượt là 3 năm và 5 năm. Công ty đã trích hết khấu hao giá trị website.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 179/2012/TT - BTC quy định việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 179/2012 làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng 293.338.175 đồng so với lợi nhuận trước thuế khi áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10).

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Chi phí

Chi phí hoạt động phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	9.262.483.523	18.526.148.255
Tiền gửi ngân hàng	2.616.377.674	12.641.844.455
Cộng	11.878.861.197	31.167.992.710

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	84.223.339.130	52.337.797.550
Công ty CP đầu tư A1	77.617.800.000	-
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Đỗ Thân	52.482.709.552	1.174.959.552
Công ty TNHH Bệnh viện quốc tế Hạ Long	52.414.950.000	57.901.450.000
Công ty TNHH ĐTCG CNCS Hạ Long	47.472.846.500	53.592.846.500
Công ty TNHH MTV 16A- BVĐK 16A Hà Đông	35.550.351.000	17.749.501.000
Bệnh viện K Hà Nội	31.299.338.960	1.821.106.458
Công ty CP bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	14.071.163.052	20.013.027.315
Các đối tượng khác	326.941.097.661	216.622.190.732
Cộng	722.073.595.855	421.212.879.107

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	14.197.878.996
Hàng hóa	232.052.833.085	62.912.913.349
Cộng	232.052.833.085	77.110.792.345

Hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, hàng hóa với giá trị là 124.983.992.652 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	12.635.517.460	10.172.013.365
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.133.054.482	2.341.390.949
Cộng	33.768.571.942	12.513.404.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
- Tại ngày 01/01/2012	819.236.365	317.267.944.572	15.913.218.130	423.343.489	334.423.742.556
- Mua trong năm	205.949.999	155.513.780.496	2.985.450.001	465.511.385	159.170.691.881
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	34.448.541.900	-	-	34.448.541.900
- Giảm khác	-	(6.260.220.000)	-	-	(6.260.220.000)
- Tại ngày 31/12/2012	1.025.186.364	500.970.046.968	18.898.668.131	888.854.874	521.782.756.337

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

- Tại ngày 01/01/2012	122.019.965	133.364.587.993	8.511.270.456	295.073.813	142.292.952.227
- Khấu hao trong năm	100.389.754	54.802.937.163	2.331.038.359	99.606.664	57.333.971.940
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	31.288.113.405	-	-	31.288.113.405
- Giảm khác	-	(1.878.066.000)	-	-	(1.878.066.000)
- Tại ngày 31/12/2012	222.409.719	217.577.572.561	10.842.308.815	394.680.477	229.036.971.572

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- Tại ngày 01/01/2012	697.216.400	183.903.356.579	7.401.947.674	128.269.676	192.130.790.329
- Tại ngày 31/12/2012	802.776.645	283.392.474.407	8.056.359.316	494.174.397	292.745.784.765

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản đem thế chấp cầm cố cho các khoản vay là 143.760.708.091 đồng, nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 70.701.724.760 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	34.448.541.900	34.448.541.900
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(34.448.541.900)	(34.448.541.900)
Tại ngày 31/12/2012	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	29.996.299.164	29.996.299.164
Khấu hao trong năm	1.291.814.241	1.291.814.241
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.288.113.405)	(31.288.113.405)
Tại ngày 31/12/2012	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	4.452.242.736	4.452.242.736
Tại ngày 31/12/2012	-	-

7. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí thiết lập Website Công ty VND	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	17.000.000	-	17.000.000
Mua trong năm	-	10.000.000	10.000.000
Tại ngày 31/12/2012	17.000.000	10.000.000	27.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	17.000.000	-	17.000.000
Khấu hao trong năm	-	666.668	666.668
Tại ngày 31/12/2012	17.000.000	666.668	17.666.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	-	9.333.332	9.333.332

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên - Gammarstar (**)	6.278.860.000	-
Cộng	13.278.860.000	7.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)**

(*) Theo hợp đồng liên doanh liên kết đầu tư giữa Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 09 năm 2007, Công ty hợp tác với Bệnh viện để đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty góp 75% vốn tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt và 46.582.473.000 đồng là thiết bị y tế.

(**) Theo Biên bản thỏa thuận số Roicm 2012-02 giữa các nhà đầu tư trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên-Gammastar được ký ngày 26 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần thiết bị Y tế Việt Nhật hợp tác với Trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên bằng việc góp vốn là máy cộng hưởng từ MRI AIRIS Mate 0.2 Tesla đã qua sử dụng dưới hình thức liên kết với Bệnh viện C Thái Nguyên-Gammastar từ năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 17104000018 ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tổng vốn đầu tư của dự án là 3.600.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật góp 350.000 USD tương ứng với 9,7% tổng vốn đầu tư.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 1223A/CT-VALUINCO ngày 25 tháng 12 năm 2012, giá trị máy cộng hưởng từ MRI AIRIS Mate 0.2 Tesla đã được định giá là 301.000 USD tương đương với 6.278.860.000 đồng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	209.818.811	-
Cộng	209.818.811	-

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	410.033.761.691	99.265.620.827
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	308.914.741.684	62.368.812.382
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	33.415.536.032	27.715.348.703
- Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	4.392.768.400
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	67.703.483.975	4.788.691.342
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	362.554.500
- Công ty Cho thuê tài chính ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	362.554.500
Cộng	410.033.761.691	99.628.175.327

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 021/2012/HĐTD ngày 05 tháng 06 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quế Võ và Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng này đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2013. Thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo Quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Công ty sử dụng 03 xe ô tô, máy móc thiết bị y tế,... và tài sản của bên thứ ba để thế chấp cho khoản vay này.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 034/2012/HĐTD ngày 29 tháng 08 năm 2012, Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN Quế Võ cho Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật vay với tổng số tiền là 300 tỷ đồng, thời hạn rút tiền vay đến 31 tháng 05 năm 2013. Thời hạn cho vay qui định cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng. Công ty sử dụng hàng hóa là máy móc thiết bị y tế để thế chấp cho các khoản vay này (theo Hợp đồng thế chấp số 047/2012 /HĐTC ngày 28 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng).
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 043/2012/HĐTD ngày 18 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN Quế Võ cho Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật vay với tổng số tiền là 1,2 tỷ đồng để mua 01 xe ô tô tải. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và các máy móc thiết bị y tế thuộc quyền sở hữu của Công ty để thế chấp cho khoản vay này (theo hợp đồng thế chấp số 012.01/2011/HĐTC ngày 15 tháng 09 năm 2011).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 3090/HĐTD2-VIB07/12 ngày 09 tháng 07 năm 2012, tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn là 36.276.000.000 đồng, trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là 35.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức tín dụng mở LC là 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước không quá 6 tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ của khoản vay, nợ lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân. Công ty sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 116.11.063.934880.TD ngày 23/09/2011 và văn bản sửa đổi hợp đồng lần 01 ngày 30/01/2012 với hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, trong đó dư nợ tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 40 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/09/2012, thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi cho vay áp dụng tại từng thời điểm giải ngân được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng hàng hóa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202.12.054.934880.TD ngày 22/08/2012, với tổng hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, trong đó dư nợ tối đa tại mọi thời điểm không quá 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2013, thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng đối với khoản tín dụng thuộc lĩnh vực thương mại vật tư tiêu hao, không quá 06 tháng đối với khoản tín dụng thuộc lĩnh vực thương mại thiết bị y tế. Công ty sử dụng hàng hóa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.967.863.862	9.103.976.928
Thuế xuất, nhập khẩu	39.611.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.274.021.418	67.994.762.251
Thuế thu nhập cá nhân	31.392.080	23.825.665
Cộng	105.312.889.006	77.122.564.844

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	146.980.800	-
Bảo hiểm y tế	27.655.200	-
Cổ tức phải trả	-	48.400.000.000
Bảo hiểm thất nghiệp	12.248.400	-
Phải trả phải nộp khác	432.000.000	523.577.050
Cộng	618.884.400	48.923.577.050

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	24.828.560.000	31.849.200.000
Nợ dài hạn	-	362.554.500
Cộng	24.828.560.000	32.211.754.500
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	362.554.500
- <i>Nợ gốc thuê tài chính</i>	-	362.554.500
Số phải trả sau 12 tháng	24.828.560.000	31.849.200.000

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Công ty như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cho thuê tài chính NH Ngoại thương VN	-	362.554.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.063.000.000	30.063.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	765.560.000	1.786.200.000
Cộng	24.828.560.000	32.211.754.500

Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính số 20.07.06/CTTC ngày 14/03/2007 và số 20.07.08/CTTC ngày 14/03/2007. Đến 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trả hết khoản nợ của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 012/2011/HĐTD ngày 11 tháng 03 năm 2011, số tiền cho vay bằng VND qui đổi tối đa là 1.512.000 USD, thời hạn cho vay 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng theo qui định của NHTM CP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc vay được trả làm 26 lần qui định tại phụ lục số 01.012/2011/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2011. Công ty sử dụng tài sản của Công ty để thế chấp cho khoản vay này (Hợp đồng thế chấp số 012.01/2011/HĐTC ngày 15/09/2011).

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2203/HĐTD2-VIB09/10 được ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ngày 18 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay là 2.214.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: áp dụng tại thời điểm giải ngân điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + BDDSLTT 3.1%/năm. Phương thức trả nợ: trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần vào ngày 15. Công ty sử dụng 01 xe ô tô con hiệu Lexus để đảm bảo cho khoản vay này.
- Hợp đồng tín dụng số 2199.01/HĐTD2-VIB09/10 được ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ngày 13 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay: 848.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi theo dư nợ giảm dần vào ngày 15 hàng tháng. Công ty sử dụng 4 xe ô tô con hiệu Kia Morning để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	242.000.000.000			47.367.802.489	289.367.802.489
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	134.805.844.988	134.805.844.988
Chia cổ tức	-	-	-	(48.400.000.000)	(48.400.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.883.130.821	(1.883.130.821)	-
Tại ngày 01/01/2012	242.000.000.000	-	1.883.130.821	131.890.516.656	375.773.647.477
Tăng vốn góp (*)	80.000.000.000	71.594.546.000	-	-	151.594.546.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	170.076.097.250	170.076.097.250
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	32.199.990.000	-	-	(32.199.990.000)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	6.740.292.249	(6.740.292.249)	-
Tại ngày 31/12/2012	354.199.990.000	71.594.546.000	8.623.423.070	263.026.331.657	697.444.290.727

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 001-2012/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 01 năm 2012 về việc phát hành Cổ phiếu riêng lẻ, Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật đã phát hành cho Quỹ DI Asian Industrial Fund, L.P 8.000.000 cổ phần (mệnh giá 1 cổ phần là: 10.000 đồng) tương đương 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.419.999	24.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.419.999	24.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.419.999	24.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.419.999	24.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.419.999	24.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận quản lý bán máy móc thiết bị y tế, bộ phận quản lý hoạt động liên kết với các bệnh viện, và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý bán hàng - bán hàng hóa là máy móc, thiết bị y tế.
Bộ phận quản lý liên kết - hoạt động liên kết với các bệnh viện.
Bộ phận quản lý khác - các hoạt động còn lại: khám sức khỏe lưu động,...

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (tại ngày 31/12/2012)

	Hoạt động bán máy móc thiết bị y tế	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	956.749.963.592	318.376.597.319	8.781.728.793	-	1.283.908.289.704
Tài sản không phân bổ					48.202.999.898
Tổng tài sản hợp nhất	956.749.963.592	318.376.597.319	8.781.728.793	-	1.332.111.289.602
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	619.004.193.158	12.082.620.467	1.536.561.402	-	632.623.375.027
Nợ phải trả không phân bổ					2.043.623.848
Tổng nợ phải trả hợp nhất	619.004.193.158	12.082.620.467	1.536.561.402	-	634.666.998.875

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	665.606.729.084	85.770.630.124	10.362.330.435	-	761.739.689.643
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	665.606.729.084	85.770.630.124	10.362.330.435	-	761.739.689.643
Khấu hao và chi phí phân bổ	433.807.078.786	55.226.034.573	6.477.937.418	-	495.511.050.778
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	231.799.650.298	30.544.595.551	3.884.393.017	-	266.228.638.865
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	231.799.650.298	30.544.595.551	3.884.393.017	-	266.228.638.865
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	863.420.208
Lãi (lỗ) khác					1.631.567.482
Chi phí tài chính					41.845.585.971
Lợi nhuận trước thuế					226.878.040.584
Chi phí thuế TNDN					56.801.943.334
Lợi nhuận trong năm					170.076.097.250

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kết toán (tại ngày 01/01/2012)

	Hoạt động bán thiết bị y tế	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	494.393.688.016	211.645.726.387	9.130.741.249	-	715.170.155.652
Tài sản không phân bổ					43.752.041.624
Tổng tài sản hợp nhất	494.393.688.016	211.645.726.387	9.130.741.249	-	758.922.197.276
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	321.599.758.458	8.359.552.186	3.087.391.773	-	333.046.702.417
Nợ phải trả không phân bổ					50.101.847.382
Tổng nợ phải trả hợp nhất	321.599.758.458	8.359.552.186	3.087.391.773	-	383.148.549.799

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Năm 2011	Năm 2011	Năm 2011	Năm 2011	Năm 2011
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	515.817.113.605	77.966.089.127	11.597.765.543	-	605.380.968.275
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	515.817.113.605	77.966.089.127	11.597.765.543	-	605.380.968.275
Khấu hao và chi phí phân bổ	339.356.990.075	55.505.279.597	3.302.426.628	-	398.164.696.300
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	176.460.123.530	22.460.809.530	8.295.338.915	-	207.216.271.975
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	176.460.123.530	22.460.809.530	8.295.338.915	-	207.216.271.975
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-		-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-		1.399.692.981
Lãi (lỗ) khác					5.926.298.646
Chi phí tài chính					34.775.651.486
Lợi nhuận trước thuế					179.766.612.116
Chi phí thuế TNDN					44.960.767.128
Lợi nhuận trong năm					134.805.844.988

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Biệt thự số 18 BT5, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	761.739.689.643	605.380.968.275
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng hóa	665.606.729.084	515.817.113.605
- Doanh thu liên kết thiết bị y tế	85.770.630.124	77.966.089.127
- Doanh thu các hoạt động khác	10.362.330.435	11.597.765.543
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	761.739.689.643	605.380.968.275

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	404.315.377.410	315.656.920.528
Giá vốn của hoạt động liên kết	51.425.709.697	51.922.998.812
Giá vốn của dịch vụ khác	6.018.803.306	2.769.548.128
Cộng	461.759.890.413	370.349.467.468

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	701.695.348	188.317.173
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	161.724.860	1.211.375.808
Cộng	863.420.208	1.399.692.981

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.423.338.627	22.326.033.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	313.479.998	9.208.497.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.108.767.346	3.241.120.276
Cộng	41.845.585.971	34.775.651.486

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	226.878.040.584	179.766.612.116
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	329.732.752	76.456.394
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(12.547.809)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	342.280.561	76.456.394
Thu nhập chịu thuế	227.207.773.336	179.843.068.510
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	56.801.943.334	44.960.767.128

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	170.076.097.250	134.805.844.988
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.307.833	27.419.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.264	4.916

Trong năm 2012, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và số tiền tương ứng là 32.199.990.000 đồng (tương đương 3.219.999 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 01.NQ/2012/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2011 sẽ được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của yếu tố trên như sau:

	Năm 2011 Trước điều chỉnh	Năm 2011 Sau điều chỉnh
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	134.805.844.988	134.805.844.988
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.200.000	27.419.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.570	4.916

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	835.748.048	3.931.298.122
Chi phí nhân công	18.116.011.084	9.509.313.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.748.386.849	54.418.217.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.778.223.997	3.859.974.656
Chi phí khác	10.740.538.134	10.022.024.227
Cộng	89.218.908.112	81.740.828.183

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.
- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.878.861.197	31.167.992.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	720.982.040.802	421.283.523.707
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	13.278.860.000	7.000.000.000
Tổng cộng	746.139.761.999	459.451.516.417
Công cụ tài chính		
Các khoản vay và nợ	434.862.321.691	131.477.375.327
Phải trả người bán	85.521.095.298	121.842.994.835
Các khoản phải trả phải nộp khác	618.884.400	48.923.577.050
Tổng cộng	521.002.301.389	302.243.947.212

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá (toàn bộ hàng hóa là các máy móc thiết bị y tế đều được Công ty nhập khẩu). Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)*Phải thu của khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	410.033.761.691	24.828.560.000	434.862.321.691
Phải trả người bán	85.521.095.298	-	85.521.095.298
Các khoản phải trả phải nộp khác và chi phí phải trả	618.884.400	-	618.884.400
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay và nợ	99.628.175.327	31.849.200.000	131.477.375.327
Phải trả người bán	121.842.994.835	-	121.842.994.835
Các khoản phải trả phải nộp khác và chi phí phải trả	48.923.577.050	-	48.923.577.050

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.878.861.197	-	11.878.861.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	720.982.040.802	-	720.982.040.802
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	13.278.860.000	13.278.860.000
Tại ngày 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.167.992.710	-	31.167.992.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	421.283.523.707	-	421.283.523.707
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	7.000.000.000	7.000.000.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quanMối quan hệ

Công ty Cổ phần Kyoto Medical Science

Có ảnh hưởng đáng kể (có đại diện trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc)

Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu	38.781.016.665	16.632.844.428
Công ty CP Kyoto Medical Science	38.781.016.665	16.632.844.428
Mua hàng	21.858.639.167	16.750.298.106
Công ty CP Kyoto Medical Science	21.858.639.167	16.750.298.106

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng	-	47.011.366.899
Công ty CP Kyoto Medical Science	-	47.011.366.899
Trả trước cho người bán	5.725.853.967	-
Công ty CP Kyoto Medical Science	5.725.853.967	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012
Hội đồng quản trị			430.000.000
Lê Văn Hường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000
Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Phạm Văn Thanh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Hồ Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000
Hori Shinichiro	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	35.000.000
Hosono Kyohei	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	35.000.000
Ban kiểm soát			62.000.000
Vũ Thị Thúy Hằng	BKS	Thù lao BKS	14.000.000
Nguyễn Hữu Thắng	BKS	Thù lao BKS	24.000.000
Nguyễn Văn Dương	BKS	Thù lao BKS	24.000.000
Ban Giám đốc			1.260.000.000
Lê Văn Hường	Tổng Giám đốc	Tiền lương	240.000.000
Nguyễn Phương Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	180.000.000
Phạm Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	480.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	360.000.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 02/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 24 tháng 01 năm 2013, Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật được phép phát hành 13.987.600 cổ phiếu, trong đó phát hành 4.070.000 cổ phiếu để hoán đổi cho cổ đông của Công ty Cổ phần Kyoto Medical Science và 9.917.600 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-JVC ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nhật Việt về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phần phát hành là 9.917.600, giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ra ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán.



Lê Văn Hường
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2013


Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập


Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ VĂN HƯƠNG